

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 24-3-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị H;
- Ông Hoàng Sỹ L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn C – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân A – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh P. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đậu Ngọc Á, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L.

Địa chỉ liên hệ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh L. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đậu Ngọc Á chung sống với nhau từ tháng 3/2006 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/10/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống và làm việc tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, không giải quyết được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dần dần vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên dần xa cách nhau. Chị và anh Á đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm, tạo cơ hội để cả hai thay đổi nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị và anh Á đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh Á.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chị có 02 con chung tên là Đậu Ngọc Trường S, sinh ngày 11/9/2007 và Đậu Ngọc Trường G, sinh ngày 12/02/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường G cho chị được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị đồng ý giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường S cho anh Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị L không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Đậu Ngọc Á trình bày tại bản tự khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Bích L chung sống với nhau từ năm 2005 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L bài bạc, không tu chí làm ăn. Anh và gia đình khuyên bảo chị L nhiều lần nhưng chị L không thay đổi. Sau đó chị L tự ý bỏ nhà đi, và vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Đậu Ngọc Trường S, sinh ngày 11/9/2007 và Đậu Ngọc Trường G, sinh ngày 12/02/2011. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Á không yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cả chị L và anh Á đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung đề nghị giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường G cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường S cho anh Á có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L và bị đơn anh Đậu Ngọc Á đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh Á theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Đậu Ngọc Á xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/10/2007 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L và anh Á xây dựng gia đình với nhau từ năm 2006, cả hai đều xác định vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặt khác theo kết quả xác minh các cơ quan, đoàn thể ở địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Á phát sinh là do chị L ham chơi bài bạc, không chăm lo cho gia đình; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Nay cả chị L và anh Á đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Á là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh Á xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Đậu Ngọc Trường S, sinh ngày 11/9/2007 và Đậu Ngọc Trường G, sinh ngày 12/02/2011. Khi ly hôn, chị Á yêu cầu Tòa án giao con chung là Đậu Ngọc Trường G cho chị Á được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Chị đồng ý giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường S cho anh Á trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn anh Á yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, bên không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay, con chung là Đậu Ngọc Trường G vẫn sống cùng với chị L và có nguyện vọng ở với mẹ; con chung là Đậu Ngọc Trường S sống cùng anh Á và có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Đồng thời, khi ly hôn chị L cũng thống nhất giao con chung là Đậu Ngọc Trường S cho anh Á nuôi dưỡng, giáo dục; còn anh Á cũng có yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cho trẻ, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường G, sinh ngày 12/02/2011 cho chị L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường S, sinh ngày 11/9/2007 cho anh Á có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích L, xử cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Đậu Ngọc Á.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường G, sinh ngày 12/02/2011 cho chị Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên là Đậu Ngọc Trường S, sinh ngày 11/9/2007 cho anh Đậu Ngọc Á có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010805 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị H